

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2018/HS-PT

Ngày: 16/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán:

Ông Trương Công Thi

Ông Võ Ngọc Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Công Thoại, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 120/TLPT-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và các bị cáo khác về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; “Không tố giác tội phạm” và “Che giấu tội phạm”. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Phương Tr2, Nguyễn Hải B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KonTum đối với bản án hình sự sơ thẩm số 45/2017/HS-ST ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

**** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:***

1. Nguyễn Văn T, Tên gọi khác: Tư đen; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1988 tại tỉnh Kon Tum; Thường trú tại: Tổ 1, phường THD, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Nguyễn Thành Tr và bà Nguyễn Thị Th; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 11/3/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/12/2016. Có mặt

2. Trịnh Văn Hoài T1, Tên gọi khác T1 Rừng; Sinh ngày 22/9/1987 tại: tỉnh Kon Tum; Thường trú tại: Tổ 5, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Trịnh Văn Bình (chết) và bà Nguyễn Thị Xuân; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/12/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã K xử phạt 30 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; Ngày 18/4/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 18 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/12/2016. Có mặt.

3. Nguyễn Công T; Tên gọi khác Man; Sinh ngày 07/7/1989 tại tỉnh Kon Tum; Thường trú tại: Tổ 3, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở: số 111 đường LQĐ, phường Q1, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Nguyễn Công D và bà Nguyễn Thị Thanh Th1; có vợ Kiều Nguyễn Hải V và 01 con;

Tiền án:

Ngày 10/01/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 9 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Ngày 25/11/2008 bị Tòa án nhân dân thị xã K xử phạt 02 năm 04 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Ngày 13/11/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 30 tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/01/2017, có mặt

4. Trần Quốc H; Tên gọi khác H Q; Sinh ngày 26/01/1989 tại tỉnh Kon Tum; Thường trú tại: Thôn 5, xã ĐK, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở: Thôn TA, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Trần Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Kim N; có vợ Nguyễn Thị Khánh L và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2008, bị Tòa án nhân dân thị xã K xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*” ; Ngày 18/9/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 01 năm 05 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” .

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/12/2016. Có mặt

5. Lê Trung T2; Sinh ngày 12/12/1987 tại tỉnh Quảng Ngãi; Thường trú tại: Làng K4, xã VQ, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Lê Trung Ph và bà Đỗ Thị M; có vợ Y Th2 và 01 con;

Tiền án: Ngày 08/7/2005 bị Tòa án nhân dân thị xã K xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Ngày 10/01/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 7 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 8 năm tù.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/02/2017. Có mặt

6. Bùi Thế H1; Tên gọi khác C; Sinh ngày 01/9/1997 tại tỉnh Kon Tum; Thường trú tại: Thôn K4, phường TL, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Bùi Ngọc H2 và bà Phan Thị Ngọc Th3; Tiền án; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 29/9/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 7 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Ngày 15/7/2014, bị Công an thành phố K xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 250.000 đồng về hành vi “*Cố ý gây thương tích*”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/12/2016. Có mặt

7. Nguyễn Hải B, Sinh ngày 01/01/1987 tại Kon Tum; Thường trú tại: Số 02 Đường TQT, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Nguyễn Đức M1 và bà Hồ Thị Bích Th4 (*chết*); có vợ Phạm Thị H3; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2005, bị Tòa án nhân dân thị xã K xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Phạm Quốc Đ; Tên gọi khác Bim; Sinh ngày 21/02/1989 tại tỉnh Kon Tum; Thường trú tại: Số 07 Đường TQT, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Vẽ quảng cáo; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông Phạm Đình M2 và bà Nguyễn Thị Ngọc L1; có vợ Nguyễn Thị D1; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Nguyễn Quốc C; Tên gọi khác Bi; Sinh ngày 03/10/1997 tại tỉnh Kon Tum; Thường trú tại: Số 32/3 Đường PĐ, phường Q1, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm điện; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Ngọc Y; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

10. Nguyễn Thị Khánh L2; Sinh ngày 11/12/1998 tại tỉnh Kon Tum; Thường trú tại: Số 26 đường LNT, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở: Thôn K3, phường TC, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Trang điểm; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Thành N1 và bà Vũ Thị Hồng Th5; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

11. Huỳnh Tuấn Đ1; Tên gọi khác Cheo; Sinh ngày 08/11/1995 tại tỉnh Kon Tum; Thường trú tại: Số 427/8 Đường H, phường Q1, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Học nghề thợ đục; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Hoàng Ngọc Đ2 và bà Nguyễn Hoàng Th7 Tr1; có vợ Phạm Thị Trà M3 và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/6/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 03 năm tù giam về tội “*Cướp tài sản*” .

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/11/2016, Có mặt.

12. Nguyễn Văn N2; Tên gọi khác Mèo; Sinh ngày 03/02/1992 tại tỉnh Kon Tum; Thường trú tại: Số 164 đường L, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở: Thôn KH, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Con ông (Không rõ) và bà Trần Thị D2; có vợ Huỳnh Nguyễn Đài Ng3 và 02 con; Tiền án; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/7/2009 bị TAND tỉnh Kon Tum xử phạt 15 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Ngày 26/11/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 02 năm tù.

Năm 2013, bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 15 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/12/2016, Có mặt.

13. Nguyễn Phương Tr2; Sinh ngày 29/5/1996 tại tỉnh Kon Tum; Thường trú tại: Số 106 đường NVL, phường NT, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Công Tr3 và bà Nguyễn Thị Th6; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 15/10/2014, bị Ủy ban nhân dân thành phố K xử phạt hành chính phạt tiền 15.750.000 đồng về hành vi “*Tàng trữ vũ khí thô sơ và Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/12/2016, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Trung H4 là đối tượng nguy hiểm thực hiện nhiều tội phạm, bị Tòa án nhân dân các cấp xét xử về nhiều tội danh khác nhau. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, Trần Trung H4 lại tiếp tục thực hiện nhiều hành vi phạm tội, bỏ trốn bị truy nã. Quá trình phạm tội của Trần Trung H4 đã có nhiều bị can cùng tham gia thực hiện tội phạm và giúp đỡ H4 trốn tránh sự truy nã của Cơ quan điều tra. Nội dung từng vụ án cụ thể được thể hiện như sau:

1. Vụ án “Giết người”, “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và “Che giấu tội phạm” xảy ra ngày 30/11/2016, tại xã ĐB, thành phố K, tỉnh Kon Tum

Sau khi phát hiện được Trần Trung H4 là đối tượng có 04 lệnh truy nã đang ẩn náu tại một căn nhà ở khu vực bãi cát thuộc thôn K5, xã ĐB, thành phố K, tỉnh Kon Tum nên khoảng 01 giờ ngày 30/11/2016, Công an thành phố K triển khai lực lượng tiến hành vây bắt Trần Trung H4. Khi Công an đến gõ cửa căn nhà yêu cầu

H4 mở cửa để kiểm tra tạm trú, tạm vắng, biết là công an đến bắt mình nên H4 không mở cửa mà gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc H5 nhờ H5 lên chở H4 gấp và được H5 đồng ý. Sau đó, H4 dắt một khẩu súng ngắn loại K59 (bên trong có chứa 09 viên đạn), hai băng đạn loại AK47 (bên trong mỗi băng có 30 viên đạn) ở lưng quần, một quả lựu đạn mìn vệt đứt trong túi quần, trên tay cầm một khẩu súng loại AK47 (bên trong có 30 viên đạn). Khoảng 10 phút sau khi điện thoại thì H5 đi xe máy đến đứng ở ngoài đường, thấy vậy H4 từ trong nhà nói vọng ra hỏi H5 “Công an xã hay công an thành phố đây bạn, có đông không” nhưng H5 không trả lời. Lúc này, H4 nhìn qua khe cửa bên hông nhà thấy có 3 đến 4 người đứng trước nhà cách cửa khoảng 1,5m. Thấy vậy, H4 ngậm đèn pin trong miệng sử dụng súng AK bắn lên trần nhà một viên đạn và đập cửa đường luồng bên hông nhà đi ra ngoài, H4 bắn thẳng về hướng trước mặt vài viên đạn, rồi bắn sang hướng bên trái vài viên đạn nữa nhưng không thấy ai, H4 soi đèn pin thấy H5 đang bỏ chạy, H4 gọi H5 “bạn quay lại chở mình chứ chạy gì bạn” nhưng H5 vẫn bỏ chạy, H4 đi lên phía trước nhà ngậm đèn pin trong miệng soi về phía bên phải dưới hồ thấy có 2 đến 3 người đang bò ở dưới hồ sát bờ đất mặt hướng về phía H4. Thấy vậy, H4 hướng súng AK47 bắn khoảng 4 đến 5 viên đạn về phía đó thì thấy những người này nằm xuống (đó là các cán bộ, chiến sỹ Công an thành phố K gồm anh Vương Hoàng G, Nguyễn Thanh T3 và Đặng Ngọc L3). Hậu quả làm anh G bị trúng một viên đạn xuyên thấu vùng lưng phải đến vùng hông trái (vết thương xuyên thấu vùng lưng phải khoảng 01cm, vết thương hông trái khoảng 2cm nham nhở, không thu được đầu đạn trong vết thương). H4 tiếp tục dùng súng AK47 bắn về các hướng xung quanh rồi đi ra đường. Khi đến chỗ để xe của H5 nhưng không có chìa khóa trên xe nên H4 tắt đèn đi bộ xuống khu vực bãi cát ở bờ sông về hướng bệnh viện Quân y 24, đồng thời H4 điện thoại hỏi H5 chạy thoát chưa và thông báo cho H5 biết mình đang ở gần bệnh viện 24 để H5 tìm xe chở. Sau đó, H4 điện thoại cho Trịnh Minh Vũ để xin số điện thoại của Nguyễn Văn T, có được số điện thoại của T, H4 điện thoại nhờ T đi đón H4 ở gần Bệnh viện Quân y 24, T đồng ý điều khiển xe máy Suzuki sport biển số 51H1-5242 của mình đi đón H4. Khoảng 10 phút sau, H5 điện thoại cho T hỏi T đang ở đâu, T nói: “mình gần tới Bệnh viện 24”. Khi T đi qua cầu gần Bệnh viện Quân y 24 khoảng 100m thì gặp H5 đang đứng bên đường, H5 nói với T “H4 cũng chạy thoát rồi bạn đưa xe đây để mình qua đón H4”, H5 lấy xe của T đi theo hướng vào thành phố K để đón H4, còn T ở lại gọi Taxi đi về nhà. Trên đường đi T nhận điện thoại của H4 thông báo là H4 đã chạy thoát. Sau khi gặp H4, H5 chở H4 đi theo hướng cầu treo Konklo qua thôn 3, xã HB, thành phố K vào xã Y3 rồi đi đến khu vực ngã ba Y, thuộc huyện Ch1, tỉnh Gia Lai. Đến đây, H5 quay về lại Kon Tum còn H4 đón xe taxi đến khu vực ngã tư B, thành phố P, tỉnh Gia Lai rồi đi vào khu rừng thông B lẫn trốn tại một chòi bỏ hoang. Trong lúc lẫn trốn tại đây H4 có điện thoại cho T hỏi thăm tình hình trên Kon Tum, T thông báo với

H4 “bạn bắn trúng Công an rồi, nghe nói nặng lắm”, H4 dặn T xem tình hình ở Kon Tum thế nào để báo cho H4 biết, T đồng ý.

Khoảng 20 giờ ngày 03/12/2016, H4 điện thoại nói Nguyễn Văn T xuống khu vực ngã ba Y, thuộc huyện Ch1, tỉnh Gia Lai để đón H4 về, T đồng ý đi đón H4, khi về tới khu vực thôn 1, phường THD, thành phố K, H4 điện thoại cho Trịnh Văn Hoài T1 hỏi có chỗ ngủ không và hỏi Huỳnh Tấn C về chưa, T1 nói C về rồi, nên H4 nói chuyện qua điện thoại với C hỏi có chỗ ngủ không thì C nói có chỗ ngủ, T chờ H4 về tới cổng nhà C rồi đi về còn H4 đi vào nhà C ngủ. Khi vào nhà C, H4 để khẩu súng AK47 và súng K59 tại phòng của C, tại đây H4 kể cho T1 và C nghe về việc mình bị Công an bao vây ngày 30/11/2016 và H4 dùng súng bắn lại lực lượng Công an rồi bỏ trốn. Trong lúc lần trốn ở nhà C, T1 giúp đỡ H4 mua cơm và card điện thoại. Đến chiều ngày 04/12/2016, H4 điện thoại cho Nguyễn Tấn D2 nói D2 lấy giúp tiền của T1 (không rõ địa chỉ, lai lịch) rồi đem đến đưa cho Nguyễn Hải B (là bạn ở gần nhà H4) để B chuyển cho H4, D2 đồng ý. Sau khi điện thoại cho D2, H4 điện thoại cho B dặn khi nào D2 đưa tiền thì B cầm giúp rồi H4 sẽ lấy sau, B đồng ý nhận lời. Sau khi gọi điện cho D2, T1 đem đến đưa cho D2 3.000.000đ (ba triệu đồng) để D2 đưa cho H4. Đến ngày 05/12/2016, D2 cho H4 thêm 1.000.000đ (một triệu đồng) nữa, sau đó D2 tới nhà B đưa cho B 4.000.000đ (bốn triệu đồng) để B gửi cho H4. Sau khi nhận tiền từ D2, B mua giúp H4 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) card điện thoại sau đó nhắn tin mã số nạp tiền cho H4. Cũng trong ngày 05/12/2016, H4 điện thoại cho Nguyễn Thị N4 trú tại hẻm 354/46 đường S, phường D, thành phố K hỏi vay N4 5.000.000đ (năm triệu đồng) không tính lãi, N4 đồng ý. Sau đó, H4 điện thoại cho Nguyễn Công T nhờ T đến gặp N4 để lấy tiền, T đồng ý đến gặp N4 lấy 5.000.000đ (năm triệu đồng), nhận được tiền T điện thoại báo cho H4 biết và được H4 hướng dẫn T đi tới đầu ngục Kon Tum sẽ cho người đến lấy, H4 tiếp tục điện thoại cho Phạm Quốc Đ (là bạn ở cùng xóm) nhờ Đ ra đầu ngục Kon Tum gặp T lấy tiền rồi cầm đưa cho H4, Đ đồng ý. T đi ô tô đến đầu ngục Kon Tum đưa cho Đ 5.000.000đ (năm triệu đồng), nhận được tiền Đ thông báo qua điện thoại cho H4 biết, đồng thời H4 nói Đ qua nhà B lấy tiền. Đ đến nhà B, B đưa cho Đ 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng). Sau đó Đ cầm tiền đi đến dốc cây Đa gần cây xăng HP, phường THD, thành phố K như H4 hướng dẫn. Khi đến nơi, Trịnh Văn Hoài T1 ra nhận tiền từ Đ 8.300.000đ (tám triệu ba trăm nghìn đồng) để chuyển cho H4.

Trong thời gian này H4 lần trốn tại nhà Huỳnh Tấn C, đến khoảng 08 giờ ngày 06/12/2016 H4 nhờ T1 gọi Nguyễn Văn T tới chờ đi nơi khác, do không gọi được cho T nên T1 gọi Nguyễn Bá V1 tới nhà C để H4 gặp, khi V1 đến H4 nói V1 chờ H4 đi theo đường lò gạch ở phường THD rồi vào xã Y3, thành phố K theo chỉ dẫn của H4. Khi vào tới lô cao su trong xã Y3, H4 điện thoại cho Nguyễn Hoàng H6 nhờ H6 tìm chỗ ở cho H4, H6 đồng ý nói với H4 đi vào lô cao su gần nhà Trần Quốc H sau đó H6 đi xe vào lô cao su gặp H4 và V1, H6 nói với H4 là trong lô cao

su của H có chỗ ở, đồng thời đi tìm H nói với H “Giống gặp em, kêu em qua gặp anh chở anh vào lô cao su chỉ chòi cho anh ấy ở”, H đồng ý đi theo H6 về lô cao su gặp H4. Tới nơi H4 hỏi H “có chỗ ở không” H trả lời “có” nên H4 nói H “đi trước đi coi có Công an không”, H6 chở H đi trước, H4 và V1 đi sau cách nhau khoảng 2km. Khi tới chòi trong lô cao su H xuống xe đi vào còn H6 đi quay lại đón H4 và V1. Lúc này, H4 nói H đi mua đồ ăn, bánh và nước cho mọi người cùng ăn uống, trong lúc ăn H4 kể chuyện H4 bắn Công an rồi bỏ trốn vào ngày 30/11/2016 cho H, V1, H6 nghe. Sau đó, H6, V1 và H đi về, còn H4 ở lại một mình trong chòi cao su, đến khoảng 19 giờ cùng ngày H4 đi bộ về hướng xã Hòa B, thành phố K rồi điện thoại nói H tới chở H4, H đi xe máy tới xã HB chở H4 đi về hướng cầu treo Konklo rồi lại đi về lô cao su ở xã Y3, trên đường đi H4 có kể cho H nghe sự việc bắn công an rồi bỏ trốn. Đến khoảng 01 giờ ngày 07/12/2016, H4 nói H kiếm chỗ ngủ cho mình, H chở H4 đến nhà Bùi Văn H7 (là bạn H) ở thôn TA, xã Y3, thành phố K để ngủ. Khi đến nhà H7, H giới thiệu H4 là bạn của mình và đề nghị H7 cho ngủ nhờ, H7 đồng ý. Sau đó H đi về nhà. H4 ngủ ở nhà H7 đến 16 giờ cùng ngày, H4 điện thoại cho H nói H tới chở H4 đi, do H chưa có xe nên H4 nhờ H7 chở H4 đi ra hướng đập nước xã Y3, trên đường đi H4 có điện thoại cho H6 nói H6 tới chở H4 nhưng H6 chưa có xe, nên H4 tiếp tục điện thoại cho Phạm Văn Th7 đi ra đập nước chở H4, Th7 đồng ý. Nhưng H4 không đi đến đập gặp Th7 nữa mà nói H7 chở H4 về hướng thôn TĐ, xã ĐK, thành phố K rồi H4 nói H7 đi về còn H4 đi bộ xuống bờ suối rồi đi ra sông ĐB và ở một mình tại bờ sông ĐB.

Trong thời gian trốn ở bờ sông ĐB, H4 có làm rơi mất một quả lựu đạn xuống lòng sông. Khoảng 21 giờ ngày 08/12/2016, H4 giấu khẩu súng AK47 trong bụi cỏ dưới bờ sông rồi đi lên đường ở khu vực Trường dạy nghề thuộc phường NT, thành phố K. Tại đây, H4 gọi taxi đến nhà Lê Trung T2 ở làng K4, xã VQ, thành phố K. Khi đến T2 không có nhà, nên H4 nói Y Th2 (vợ T2) cho H4 vào nhà chờ T2 về. Khoảng 01 giờ ngày 09/12/2016, T2 về nhà gặp H4, vì không có đồ mặc nên T2 đã đưa quần áo cho H4 mặc, sau đó H4 nói T2 chở H4 đi chỗ khác chứ ở đây nguy hiểm lắm, T2 đồng ý lấy xe máy của Y Th2 chở H4 đi vào khu vực lô cao su tại xã Đăk Cầm, thành phố K ngủ tại chòi không có người. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày T2 đi mua bánh mì, nước, thuốc về ăn uống sau đó cả hai di chuyển đến ngủ tại lô cao su thuộc xã ĐL, huyện Đ, tỉnh KonTum. Đến khoảng 10 giờ ngày 10/12/2016, Th2 điện thoại nói T2 mang xe về nên T2 đưa xe để ở nhà cho Th2, sau đó đi taxi tới vòng xuyên đường TP và BT, thành phố K, tại đây T2 mượn xe Sirius biển số 82K7 - 5040 của Huỳnh Công Thanh T3 (sinh năm 1980 trú tại tổ 1, phường TC, thành phố K) rồi mua đồ ăn, nước vào lô cao su ăn cùng với H4. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T2 chở H4 về khu Nghĩa địa cũ thuộc phường NM, thành phố K. H4 điện thoại cho N2 (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) để lấy tiền nợ mà trước đó N2 vay của H4, N2 đồng ý trả cho H4 6.000.000đ (sáu triệu đồng). H4 nói

T2 đi lấy tiền của N2 ở cạnh nhà nghỉ MĐ gần khu vực Bến xe Kon Tum giúp H4. T2 đi xe về nhà và gọi T3 tới lấy xe, còn T2 đi xe Taxi đến gặp N2 lấy tiền đưa cho H4 6.000.000đ (sáu triệu đồng) rồi đi về, trên đường về thì H4 nhắn tin hỏi T2 “có xe không tới chờ mình”, T2 điện thoại cho Đặng Hữu T4 (trú tại 34 Đường H, phường Q1, thành phố K) hỏi mượn xe, T4 đồng ý. T2 đi Taxi tới chỗ của T4 đang ở quán cà phê gần ngã tư đường TC và TP, thành phố K mượn xe mô tô loại Kymco màu xanh biển số 82B1 - 18181 rồi quay lại đón H4 ở xã VQ, thành phố K, sau đó T2 chở H4 đi vào xã VQ, thành phố K để tìm chỗ ngủ nhưng không có. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H4 nói T2 đưa H4 đến nhà Nguyễn Văn A1 (sinh năm 1972 ở tại 32/3 Đường PĐ, phường Q1, thành phố K, tỉnh Kon Tum) để ngủ nhờ. Khi tới nhà A1, T2 đi về trả xe cho T4 còn H4 xuống xe gọi cửa nhưng A1 không có ở nhà mà chỉ có Nguyễn Quốc C (là con của A1) ở nhà. H4 vào nhà C thì gặp bạn của C là Lê Trung H8, Phạm Thành L4, Nguyễn Văn D2 đang chơi ở nhà C, thấy có đông người nên H4 điện thoại cho Nguyễn Hữu Đ3 để nói Đ3 chở H4 đi nhưng do Đ3 không có xe, nên H4 mượn xe máy loại Exciter biển số 82B1-04254 của H8 để trong nhà C rồi nói C đi xuống đường NQ, thành phố K để chờ Đ3, C đồng ý. Sau đó C dắt xe ra đi, H4 nói C tháo biển số xe ra, C tháo biển số xe ra rồi đi chờ Đ3 ở đường NQ đến ngõ nhà C thì H4 đi ra để Đ3 chở H4 đi.

Trên đường đi, H4 nói Đ3 chở H4 qua khu vực bờ sông gần nhà thờ thuộc phường NT, thành phố K để lấy khẩu súng AK mà trước đó H4 đã cất giấu khi trốn ở bờ sông ngày 08/12/2016. Đến khu vực bờ sông, Đ3 đứng trên đường chờ còn H4 đi xuống dưới bờ sông lấy khẩu súng AK cầm lên rồi hỏi Đ3 có chỗ nào ngủ không, Đ3 nói với H4 là về nhà Bùi Thế H1 (bạn Đ3 ở phường TL, thành phố K) để ngủ, Đ3 chở H4 đến nhà H1. Khi đến nơi, H4 gọi cửa nhà H1 và hỏi H1 cho ngủ nhờ một đêm, được H1 đồng ý cho H4 và Đ3 vào ngủ, đến trưa ngày 11/12/2016 Đ3 chở H4 đi vào lô cao su thuộc xã ĐC, thành phố K để trốn, đến khoảng 19 giờ cùng ngày Đ3 lại chở H4 về khu vực bờ kè sông ĐB thuộc phường T, thành phố K. Tại đây H4 nói Đ3 đi mua đồ ăn và chở H1 xuống chơi, Đ3 đi mua đồ ăn cho H4 và chở H1 xuống ô mía ở bờ kè nơi H4 Đ3g lẩn trốn. Sau đó, Đ3 đi về, còn H4 và H1 đi dọc bờ kè sông ĐB đến khu vực ô mía gần Ngục Kon Tum để ngủ. Trong lúc ở ô mía, H4 có điện thoại cho Nguyễn Thị Khánh L2 (sinh năm 1998, là người yêu của H4) nhờ L2 mua một số đồ dùng cá nhân cho H4 gồm: Dao cạo râu, chiếu, bạt, đèn pin đội đầu, bàn chải răng, kem đánh răng và nói L2 cầm đồ tới nhà Trần Thị Hồng H9 (chị gái của H4, ở tại số 11 Đường TQT, thành phố K) rồi H4 sẽ cho người tới lấy, L2 đồng ý. Sau đó, L2 đi mua các đồ dùng như H4 dặn rồi đem về nhà H9, H9 có hỏi L2 về số đồ này L2 nói là đồ mua về cho gia đình dùng rồi đem cất đồ vào bao tải để trong nhà H9 rồi đi ngủ. Đến khoảng 02 giờ ngày 12/12/2016, H4 nói H1 tới nhà H9 để gặp L2 lấy đồ, H1 tới nhà H9 và gặp L2, L2 đưa đồ cho H1, H1 mang đồ vào đưa cho H4 ở trong ô mía rồi H4 căng bạt trải chiếu ngủ cùng H1. Khoảng 20 giờ ngày

12/12/2016, H4 điện thoại cho L2 nói L2 đến khu vực ô mía nơi H4 đang lẫn trốn để gặp, L2 đồng ý. Sau đó, L2 nhờ H9 chở xuống khu vực đầu ngục Kon Tum, L2 đi bộ vào đường đất theo chỉ dẫn của H4 để nói chuyện khoảng 10 phút rồi đi về.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày 12/12/2016, H4 điện thoại cho Nguyễn Công T nhờ T chở H4 đi Gia Lai, T đồng ý. H4 hẹn T tới đón ở khu vực xóm lò heo gần chùa Hồng Từ, thuộc phường Q, thành phố K để chở H4 đi Gia Lai. T điều khiển xe ô tô HUYNDAI loại ACCENT biển số 82A - 03319 của bố T là ông Nguyễn Công D để chở H4 đi tỉnh Gia Lai. Khi tới Gia Lai, lúc này khoảng 01 giờ ngày 13/12/2016, H4 điện thoại cho Võ Ngọc H5 (trú tại 66/7 đường K, phường Đ, thành phố Plei Ku, tỉnh Gia Lai) nói với H5 là H4 đang ở Gia Lai đi chơi và muốn gặp H5, H5 hẹn gặp H4 tại ngã ba VK-LĐH, thành phố P, H5 tới gặp H4 và đưa H4 tới nhà nghỉ Mai Hoa (nhà nghỉ BaZan cũ) ở phường Đ2, thành phố P, tỉnh Gia Lai lấy phòng rồi H5, H4, T vào phòng chơi. Sau khi vào phòng khoảng 15 phút, T đi về lại Kon Tum, còn H4 và H5 ở lại. Lúc này, H5 điện thoại cho Huỳnh Thanh P (trú tại 955 đường P, phường Y, thành phố Plei Ku) cùng tới chơi. P tới nhà nghỉ MH chơi cùng H4, H5 và ngủ tại đây, đến khoảng 23 giờ cùng ngày 13/12/2016 H4 nói với P và H5 có việc nên nhờ P và H5 chở H4 tới ngã tư B, thành phố P, H4 ở lại còn P và H5 đi về. Sau đó, H4 điện thoại cho Phùng Đình H10 (trú tại tổ 7, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai là bạn của H4) rồi về nhà H10 chơi và ngủ lại, đến 20 giờ ngày 14/12/2016 H4 điện thoại cho Võ Hoàng Th8 (sinh năm 1982 trú tại 07 đường NTN, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai) nói với Th8, H4 đang ở Gia Lai và muốn gặp Th8. Th8 tới Ngã tư B đón H4 đi chơi và uống cà phê đến 23 giờ cùng ngày, Th8 đưa H4 về lại ngã tư B rồi đi về. Khi quay lại ngã tư B, H4 gặp lại H10 và Đỗ Trung K, H4 nói với H10 là tìm chỗ ngủ, K và H10 đưa H4 tới nhà của Nguyễn Thành C1 (ở tại thôn 1, xã NH, huyện Ch1, tỉnh Gia Lai) nói C1 cho H4 ngủ nhờ vì H4 bị nhỡ xe nhưng nhà C1 không có chỗ ngủ nên C1 dẫn H4 đến nhà Lê Minh H11 (ở tại thôn 1, xã NH, huyện Ch1, tỉnh Gia Lai, là bạn của C1) để ngủ. Sau đó H10 điện thoại cho H11 nhờ H11 cho H4 ngủ, H11 đồng ý, C1 đưa H4 tới nhà H11 nhưng H11 không có ở nhà, C1 điện thoại cho H11, H11 hướng dẫn C1 cách mở cửa vào nhà. Sau khi H4 và C1 vào nhà khoảng 10 phút thì H11 về, H11 dọn đồ trong giường cho H4 ngủ rồi H11 đi ngủ trông cà phê, còn C1 đi về nhà ngủ. Đến khoảng 10 giờ ngày 15/12/2016, khi đang ở tại nhà H11, Trần Trung H4 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Kon Tum phát hiện và bắt giữ theo lệnh truy nã.

Về nguồn gốc 02 khẩu súng theo lời khai của bị can Trần Trung H4: trong năm 2014 bị can H4 đã qua Lào mua của một đối tượng tên Mây (Quốc tịch Lào) ở khu vực biên giới Việt - Lào, 02 khẩu súng (01 khẩu súng AK và 01 khẩu súng K59) với giá 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng); mua 20 viên đạn K59 với giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và được Mây cho 100 viên đạn AK. Còn 16 viên

đạn K54 và 01 hộp tiếp đạn K59 (là của một người tên Heo, là đối tượng nghiện ma túy không xác định được lai lịch, địa chỉ) cho H4. Sau khi mua súng xong H4 đem về Việt Nam tàng trữ trái phép. Trong thời gian lẩn trốn lệnh truy nã, Trần Trung H4 luôn đem theo số súng, đạn này bên mình. Đến ngày 30/11/2016 khi đang lẩn trốn tại căn nhà ở khu vực bãi cát thuộc thôn K5, xã ĐB, thành phố K thì bị Công an thành phố K triển khai lực lượng tiến hành vây bắt H4 đã sử dụng khẩu súng AK bắn 23 viên đạn để chống lại lực lượng Công an thành phố K đang thi hành công vụ làm anh Vương Hoàng G (cán bộ Công an thành phố bị thương). Trong quá trình di chuyển H4 đã làm rơi một số viên đạn, chỉ còn lại 56 viên chưa sử dụng (gồm 31 viên đạn loại AK, 09 viên đạn loại K59, 16 viên đạn K54), hiện cơ quan điều tra đã thu giữ.

Kết quả trưng cầu giám định:

** Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 44/TgT-TTPY ngày 10/04/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Kon Tum, kết luận đối với anh Vương Hoàng G:*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Sẹo bả vai bên phải + Sẹo ở ngực dưới đường nách bên trái + Sẹo ở mạng mỡ bên trái: 09%.

+ Mổ cắt bán phần thùy dưới phổi trái: 25%.

+ Tổn thương nhu mô phổi trái đã phẫu thuật, di chứng dày dính màng phổi trái 30%.

+ Gãy cung sau xương sườn 10,11,12, trái ;09%.

+ Gãy mỏm gai D11 và D12 bên trái ; 15%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 63%.

** Tại Bản kết luận giám định số 824/C54C(Đ4) ngày 12/01/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: không tìm thấy các chất ma túy thường gặp trong mẫu chất rắn màu trắng (dạng tinh thể) gửi giám định, trọng lượng mẫu 0,824g.*

** Tại Bản kết luận giám định số 823/C54C(Đ3) ngày 16/01/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:*

+ Khẩu súng số hiệu “56-16190323” gửi giám định là súng tiểu liên AK báng gấp, thuộc vũ khí quân dụng.

+ Khẩu súng dài 57cm, không có kí hiệu, số hiệu là súng tự chế, hiện tại không còn sử dụng bắn được đạn nổ, không phải vũ khí quân dụng.

+ Khẩu súng ngắn có kí hiệu “ME 7063” gửi giám định là súng K59, thuộc vũ khí quân dụng.

+ 23 (hai mươi ba) vỏ đạn gửi giám định là do khẩu súng tiểu liên AK báng gấp, số hiệu “56-16190323” ghi trên bắn ra.

** Tại Bản kết luận giám định số 129/C54C(Đ3) ngày 10/03/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:*

+ 56 (năm mươi sáu) viên đạn gửi giám định gồm: 31 viên đạn là đạn cỡ (7,62x39) mm, 16 (mười sáu) viên là đạn cỡ (7,62x25) mm và 09 (chín) viên là đạn cỡ (9x18) mm; 56 (năm mươi sáu) viên đạn này thuộc vũ khí quân dụng và hiện còn sử dụng được.

+ 05 (năm) băng đạn gửi giám định gồm: 04 băng đạn của súng quân dụng (01 băng đạn của súng K59, 02 băng đạn của súng K54 và 01 băng đạn của súng tiểu liên AR15), hiện tại 04 băng đạn này còn sử dụng được; 01 băng đạn tự chế lắp được vào loại súng ngắn K59, hiện tại băng đạn này không sử dụng được.

2. Vụ án: “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”, xảy ra ngày 10/5/2013 tại tổ 3, phường NM, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Vào ngày 09/5/2013, Trần Trung H4 đến khu vực cổng chào huyện N, tỉnh Kon Tum mua của một người đàn ông tên Nguyễn (không rõ địa chỉ, lai lịch) một gói ma túy với giá 5.000.000 đồng mục đích đem về bán cho các con nghiện kiếm lời. Sau khi mua ma túy xong, H4 đi về Thành phố K, đến sáng ngày 10/05/2013, H4 mang theo gói ma túy cùng Trương Quang Đ4 đến khu vực đồi thông nghĩa địa cũ thành phố K (thuộc Tổ 3, phường NM, thành phố K) để bán cho các con nghiện, khi đi H4 có gọi điện cho Nguyễn Minh C2 nói C2 đến khu vực đồi thông Nghĩa địa cũ thành phố K để canh giới cho H4 và đồng bọn bán ma túy, C2 đồng ý điều khiển xe mô tô loại Sirius (không xác định được biển kiểm soát, của H4 đưa cho C2 từ ngày hôm trước) đến rủ Nguyễn Hoàng Mộng Th8 đi chơi cùng và gọi điện thoại cho Trần Tấn H13 rủ đi canh giới, canh gác cho H4 và đồng bọn bán ma túy, H13 đồng ý đi cùng. Sau đó, H4 tiếp tục gọi điện thoại cho Phạm Minh H12, Mai Thành Th10 đến khu vực đồi thông Nghĩa địa cũ thành phố K canh giới, canh gác cho H4, tất cả đồng ý. Mai Thành Th10 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82B1-000.95 đến nơi đã hẹn gặp H4 và Đ4, còn C2 đi xe mô tô chờ mọi người đến nhưng để Th8 đứng ở xa, còn C2 và H13 (đi vào giữa khu vực đồi thông gặp đồng bọn, lúc này H12 cũng đi xe thô đến nơi. Sau khi đầy đủ mọi người, H4 phân công C2 đứng ở khu vực đường đất hướng đi xã VQ, Th10 đứng ở đường đất hướng đi Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Kon Tum, H12 và H13 móc võng nằm ở khu vực đường đất hướng từ đường PĐP đi vào để canh giới, canh gác cho H4 và Đ4 bán ma túy cho các con nghiện ở giữa khu vực đồi thông Nghĩa địa cũ, nếu phát hiện người lạ hoặc Công an thì báo động cho đồng bọn bỏ chạy. H4 đưa 01 túi ni lông bên trong có đựng ma túy cho Đ4 cầm để Đ4 trực tiếp bán ma túy cho người khác, Đ4 đưa xe mô tô biển kiểm soát 82 H2-0833 cho H13 sử dụng để khi Đ4 gọi điện thoại H13 ra

đường PDP chở các con nghiện vào mua ma túy, bán xong ma túy, đến cuối buổi thì H4 sẽ trả tiền công cho tất cả mọi người. Sau khi phân công đồng bọn cảnh giới, canh gác, H4 đi xe mô tô vòng xung quanh để kiểm tra, Trương Quang Đ4 trực tiếp bán ma túy cho nhiều người (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ). Đến khoảng 08 giờ 20 phút cùng ngày, Lê Thanh T6 ở thành phố P, tỉnh Gia Lai gọi điện thoại cho Trương Quang Đ4 hỏi mua ma túy nên Đ4 đồng ý bán và hẹn lên thành phố K sẽ bán ma túy cho T6. Còn H4 điều khiển xe mô tô Exciter về khu vực phường NT, thành phố K để tìm địa điểm bán ma túy. Đến khoảng 08 giờ 40 phút cùng ngày, H4 gọi điện thoại cho Mai Thành Th10 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82B1-000.95 đến đón H4 quay lại nơi đồng bọn bán ma túy. Sau đó, T6 gọi điện thoại cho Đ4 hỏi địa điểm mua ma túy, Đ4 hướng dẫn T6 đi đến đường PDP trước Nghĩa địa cũ thành phố K gọi điện thoại sẽ có người ra đón. Đến khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, khi đến nơi T6 gọi điện thoại cho Đ4, lúc này Đ4 bảo Trần Tấn H13 điều khiển xe mô tô BKS 82 H2-0833 đi ra đường PDP chở T6 vào gặp Đ4 để mua bán ma túy. Khi H13 chở T6 vào giữa khu vực đồi thông Nghĩa địa cũ, H13 đứng ngoài cách khoảng 15 mét và chỉ nơi Đ4 đang đứng để T6 đi vào gặp và mua của Đ4 01 (một) cục ma túy với giá 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng) và sử dụng hết ngay tại đây, T6 tiếp tục mua thêm của Đ4 02 (hai) cục ma túy với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng) sau khi nhận ma túy xong Đ4 gọi H13 vào chở T6 đi ra lại đường PDP. Khi Trần Tấn H13 chở Lê Thanh T6 đi ra được khoảng 10 mét, thì bị Công an thành phố K bắt quả tang trong lúc T6 đang tàng trữ 02 (hai) cục ma túy ở trong người. Phát hiện thấy Công an nên Phạm Minh H12 và Mai Thành Th10 chạy vào báo động cho đồng bọn thì bị bắt giữ, còn Trương Quang Đ4 bỏ chạy thoát và gọi điện thoại cho Nguyễn Minh C2 biết. Thấy vậy, C2 chở Trần Trung H4 chạy trốn. Công an thành phố K đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ 02 cục chất rắn màu trắng của Lê Thanh T6.

Tại bản kết luận giám định số 155/C54C (Đ4), ngày 13/5/2013 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: 01 (một) cục chất rắn màu trắng được gói trong giấy carô trắng, bên ngoài bọc giấy ni lông màu xanh, 01 (một) cục chất rắn màu trắng được gói trong giấy carô trắng, bên ngoài bọc giấy ni lông màu vàng đã được niêm phong là Heroin; trọng lượng là 4,0070 gam.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Trần Trung H4 còn khai nhận: Đã trực tiếp bán ma túy cho Lê Thanh T6 02 lần với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) vào ngày 06/5/2013 tại khu vực đập Thánh giá Khu công nghiệp HB, phường NT, thành phố K.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 156/2013/HSST ngày 31/12/2013 Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum đã xử phạt bị cáo Lê Thanh T6, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt các bị cáo Phạm Minh H12, Nguyễn Minh C2, Trần

Tấn H13, Mai Thành Th10 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đối với Trương Văn Đ4, sau khi phạm tội Đ4 đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với H4 sau khi gây án bỏ trốn, nay bắt được trong vụ án Giết người, Công an thành phố K phục hồi điều tra, chuyên cấp tỉnh để nhập vụ án xử lý.

Đối với 02 chiếc xe Exciter màu trắng xanh và xe Sirius màu đỏ đen H4 sử dụng để mua bán ma túy. Trong quá trình bỏ trốn H4 đã bán 02 chiếc xe này để lấy tiền tiêu xài do thời gian đã lâu nên H4 không nhớ BKS của 02 chiếc xe này để truy tìm thu giữ.

Đối với chiếc điện thoại Nokia màu đen đã sử dụng để liên lạc bán ma túy cho các con nghiện, chiếc điện thoại này sau khi bị phát hiện trên đường chạy trốn Đ4 là người cầm điện thoại. Hiện không biết Đ4 đang ở đâu.

3. Vụ án: “Cố ý gây thương tích”, xảy ra ngày 20/8/2012 tại Xã ĐK, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/8/2012, Trần Trung H4, Lương Nhật T7, Lê Trung T4, Nguyễn Hoàng H6, Lê Thanh T3 cùng một số đối tượng khác như: Ky, V1 và bạn gái của Ky (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) ngồi nhậu tại bờ kè khu vực đập nước TĐ (thuộc thôn 6, xã ĐK, TP Kon Tum). Trong lúc đang nhậu thấy Tạ Hồng T8 điều khiển xe mô tô biển số 82B-082.11 chở theo Hà Văn T2 cầm theo một con dao dạng kiếm (dao Lào) dài khoảng 60cm, còn Huỳnh Công Tr2 điều khiển xe mô tô biển số 82K8-3628 chở Nguyễn Thanh Sang ngồi sau cầm theo một chạc ná cao su từ ngoài đường Tỉnh lộ 671 vào trong đập. Khi đi đến Cổng tràn phát hiện thấy phía dưới bậc tam cấp của bờ kè có một số người đang ngồi nhậu nên Nguyễn Thanh S1 đã dùng cục đá ném trúng thành cổng bằng sắt gây tiếng động rồi cả 04 người cùng điều khiển hai xe mô tô chạy một đoạn về phía cuối đập. Thấy vậy, Trần Trung H4, Lương Nhật T7 gọi nhóm của S1 lại để nói chuyện. H4 và T7 đi từ dưới bờ kè lên, H4 hỏi nhóm của S1 "Lúc này thằng nào bắn tao, chúng mày biết tao là ai không?", thì S1 trả lời "tao bắn đó thì sao". Nghe vậy, H4 liền rút trong người ra một con dao Thái Lan đâm vào vai trái của S1 nhưng không trúng, S1 nhảy xuống xe bỏ chạy. Lúc này, Hà Văn T2 đứng gần đó, thấy S1 bị H4 dùng dao đâm nên T2 cầm con dao dạng kiếm mang theo, xông vào chém H4. Nghe thấy đánh nhau, Nguyễn Hoàng H6, Lê Thanh T3 và Lê Trung T4 chạy đến, thấy T2 cầm dao lao vào chém H4 thì H6 đã lao vào đỡ cho H4 nên bị T2 chém trúng mu bàn tay trái, còn H4 bị một vết thương nhẹ ở trước ngực gần cổ, thấy đồng bọn bị T2 dùng dao chém nên Lương Nhật T7, Lê Thanh T3 và Lê Trung T4 đã xông vào hỗ trợ đánh Hà Văn T2. Trong đó Lương Nhật T7 xông vào đâm một cái vào sườn trái, khiến T2 lảo đảo; Trần Trung H4 xông vào giật con dao trên tay của Hà Văn T2, hai bên giằng co. Thấy vậy, Lê Thanh T3 và Lê Trung T4 cũng xông vào dùng

tay, chân đánh nhiều phát vào người Hà Văn T2 còn Trần Trung H4 dùng con dao Thái lan đâm vào mặt của Hà Văn T2, do bị đánh nên con dao mà T2 cầm trên tay rơi xuống đất, Trần Trung H4 nhặt con dao này chém liên tiếp nhiều nhát vào người của Hà Văn T2, làm T2 gục ngay tại chỗ. Thấy T2 nằm gục xuống, H4 không đánh T2 nữa mà lấy xe mô tô đuổi theo Nguyễn Thanh S1 để đánh, nhưng H4 thấy nhóm của S1 đã chạy xa nên không đuổi nữa mà quay lại gần chỗ T2 nằm và nói “thằng kia nó chém tao một phát vào cổ, nó đâu rồi để tao chém”, Hà Văn T2 nghe H4 nói vậy nên T2 vội vùng dậy và nhảy xuống ruộng nước để thoát thân. Thấy chiếc xe mô tô biển số 82B1- 082.11 của T2 dựng trên bờ đập, H4 đã dùng chân đạp chiếc xe mô tô này xuống ruộng nước rồi cùng đồng bọn bỏ trốn.

Tại bản giám định pháp y số 129 ngày 21/8/2012 của Phòng giám định pháp y, Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum, kết luận: Tỷ lệ thương tật của Hà Văn T2 là 48% (tạm thời).

Ngày 26/3/2013, Cơ quan CSĐT- Công an TP Kon Tum ra quyết định trưng cầu giám định lại. Tại bản giám định pháp y số 48 ngày 26/3/2013 của Phòng giám định pháp y, Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum, kết luận: tỷ lệ thương tật của Hà Văn T2 là 51% (tạm thời).

Bản định giá tài sản số 126/ĐG -TS ngày 03/10/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS của thành phố K, kết luận: 01(một) xe mô tô biển số 82B-082.11 nhãn hiệu Sirius, màu sơn: Đỏ, đen, võ đèn chiếu sáng và hộp kim đồng hồ công tơ mét bị vỡ, búng xe bị nứt. Tổng giá trị thiệt hại là: 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng).

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 41/2013/HSPT Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã xử phạt các bị cáo Lương Nhật T7, Lê Thanh T3, về tội “Cố ý gây thương tích”. Đối với H4 sau khi gây án bỏ trốn, nay bắt được trọng vụ án Giết người, Công an thành phố K phục hồi điều tra, chuyển cấp tỉnh để nhập vụ án xử lý.

4. Vụ án: “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; Cưỡng đoạt tài sản; Không tố giác tội phạm” xảy ra từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016 trên địa bàn thành phố K .

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2016 đến tháng 11/2016, Trần Trung H4 cùng đồng bọn đã nhiều lần thực hiện các hành vi phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; Cưỡng đoạt tài sản và Không tố giác tội phạm” trên địa bàn thành phố K. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Năm 2013, vợ chồng ông Nguyễn Văn S2 và bà Nguyễn Thị Th9, (trú tại thôn K3, phường TC, thành phố K) có mượn của ông Nguyễn Tiến H4 (trú tại Thôn 3, xã HB, thành phố K) số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất thỏa

thuận là 6% trên một tháng. Quá thời hạn cho vay, ông H4 nhiều lần đến đòi nợ nhưng vợ, chồng ông S2 và bà Th9 không trả tiền nên ông H4 đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố K. Tòa án xét xử và ra Quyết định buộc mỗi tháng vợ, chồng ông S2 và bà Th9 phải trả cho ông H4 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nhưng ông S2 và bà Th9 không trả tiền cho ông H4 nên đến khoảng cuối tháng 6/2016 ông H4 có nhờ Nguyễn Tấn D2 đòi nợ giúp ông H4 số tiền trên. Cũng trong khoảng thời gian này, do không có tiền để tiêu xài nên Trần Trung H4 gọi điện thoại hỏi D2 có chỗ nào nhờ đòi tiền nợ không, giới thiệu cho H4. Nghe vậy, D2 nói cho H4 biết ông Nguyễn Tiến H4 cần người đi lấy nợ nên H4 nói D2 mang giấy nợ đến để H4 đi lấy. Đến khoảng 20 giờ ngày hôm sau, D2 mang giấy nợ đưa cho H4. Sau khi cầm được giấy nợ, khoảng 20 giờ, ngày 06/7/2016, H4 gọi điện thoại cho Nguyễn Phương Tr2 nhờ Tr2 lên nhà H4 (tại Thôn Pleichum Đăkchoah, phường NM, thành phố K) chở H4 đến nhà của Nguyễn Văn N2 (tức Mèo), khi đến nhà N2, tại đây H4 đưa giấy nhận nợ của ông S2 bà Th9 cho N2 xem và rủ N2 đi đòi nợ thuê để lấy tiền chia nhau tiêu xài, N2 đồng ý và gọi điện thoại cho Trường đến nhà chở N2 đi. Trường chở N2, Tr2 chở H4 đến nhà ông S2, bà Th9, đến nơi Tr2 và Trường đứng ngoài đường đợi, còn H4 và N2 đi vào trong nhà gặp bà Th9 và con của bà Th9 tên là Nguyễn Văn S1. Thấy bà Th9, H4 tự xưng tên là Gióng và Mèo đến lấy nợ giúp ông H4, yêu cầu vợ, chồng ông S2 và bà Th9 phải trả số tiền nợ cho ông H4 theo giấy nhận nợ. Bà Th9 nghe vậy thì thừa nhận có nợ tiền ông H4 theo giấy nhận nợ, tuy nhiên bà không có tiền trả. Nghe vậy, H4 rút trong người ra 01 khẩu súng K59 dơ lên, tháo ổ tiếp đạn lấy từng viên đạn ra cho bà Th9 biết là súng thật rồi đe dọa “Trong vòng 03 ngày bà Th9 phải trả tiền, nếu không H4 sẽ xử lý”. Sau đó, H4 và N2 bỏ đi ra ngoài, lên xe mô tô để Tr2 và Trường chở về.

Vụ thứ hai:

Sau khi đến nhà bà Th9 để cưỡng đoạt tài sản ở vụ thứ nhất, hết thời hạn 03 ngày bà Th9 không có tiền trả theo yêu cầu của H4 và N2. Đến khoảng 15 giờ ngày 12/7/2016, H4 gọi điện thoại cho Tr2 nhờ Tr2 xuống nhà bà Th9 chở con trai của bà Th9 là anh S1 lên gặp H4, Tr2 đồng ý rồi điều khiển xe mô tô đến nhà gặp anh S1 và nói anh S1 đi với Tr2 lên gặp H4, Tr2 chở anh S1 đến cổng nhà H4 thì Tr2 đi về. Sau đó, H4 bắt anh S1 đi vào trong nhà dùng còng số 8 còng tay, dùng dây xích cột chân của anh S1 lại và xích vào cửa sổ phòng khách nhà H4 rồi lấy điện thoại của anh S1 gọi cho bà Th9 yêu cầu trả tiền chứ không sẽ giết và chặt tay của anh S1, đồng thời đưa điện thoại cho anh S1 nói chuyện với bà Th9 để buộc bà Th9 phải trả nợ nhưng bà Th9 không có tiền trả. Đến trưa ngày 13/7/2016, H4 tiếp tục gọi điện thoại cho Tr2, nhờ Tr2 xuống nhà của Nguyễn Thị Khánh L2 (là người yêu của H4) để lấy com. Khi Tr2 mang com lên cho H4 thì Tr2 nhìn thấy H4 bắt

giữ anh S1, dùng còng số 8 còng tay, dùng dây xích cột chân của anh S1 lại và xích vào cửa sổ phòng khách nhà H4 và H4 nói cho Tr2 biết là đã bắt anh S1 giữ trong nhà của H4 mục đích là để ép gia đình anh S1 phải trả nợ, Tr2 nghe vậy không nói gì mà xin phép đi về. Quá Tr2 bắt giữ anh S1, H4 liên tục gọi điện cho bà Th9 yêu cầu đưa tiền nếu không sẽ chặt tay của anh S1. Đến khoảng 14 giờ ngày 14/7/2016, sau nhiều lần gọi điện đe dọa nhưng bà Th9 không trả tiền nên H4 buộc phải thả anh S1 ra. Sợ sau khi thả anh S1 Cơ quan Công an sẽ phát hiện ra chỗ ở của H4 nên H4 gọi điện thoại cho Nguyễn Nhật Tr4 và Út (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) đến nhà của H4 để dọn đồ cá nhân giúp H4. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H4 gọi điện thoại cho Tr2, Đinh Khắc Tr5, Hoàng Quốc H14 và Bụt (Chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) đến nhà chờ đồ giúp H4. Khi Tr2, Tr5, H14, Bụt đến đứng phía ngoài cổng H4 nói Tr4, Út mang đồ ra để Tr5, H14 chở đi. Sau đó, H4 vào trong nhà lấy 01 cái thớt bằng gỗ, 01 con dao bầu bỏ phía ngoài hiên rồi đưa anh S1 ra, mở trói cho anh S1, dùng súng K59 chĩa vào người anh S1, yêu cầu anh S1 phải tự chặt tay của mình. Do sợ H4 bắn nên anh S1 đã sử dụng dao chặt đứt đốt II và đốt III ngón V tay trái của mình. Sau khi ép anh S1 tự chặt tay xong, thấy máu chảy ở hiên nhà nên H4 nói Tr4 lấy nước xối đi rồi nói Tr2 sử dụng điện thoại chuyển số tiền 5000đ (Năm ngàn đồng) từ tài khoản điện thoại của Tr2 vào số điện thoại của anh S1. Sau đó, H4 nói Út chở anh S1 ra ngoài đường Quốc lộ 14 để anh S1 tự đón xe về, còn Tr2 chở Tr4, Bụt chở H4 đi tắt đường lô cao su qua xã Đăk Cấm, thành phố K. Trên đường chở đồ dùng cùng H4 bỏ trốn, Tr2 có nghe Nguyễn Nhật Tr4 kể chuyện H4 ép anh S1 tự chặt tay và Tr4 có đưa ngón tay của anh S1 bị chặt rời ra giơ lên cho Tr2 xem nhưng Tr2 không nói gì. Khi đến một rẫy cao su thuộc xã Đăk Cấm, thành phố K H4 ở lại, còn Tr4, Tr2, Bụt đi về. Sau khi ra đến đường Quốc lộ 14, anh S1 đã tự gọi xe taxi chở vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum cấp cứu, chữa trị vết thương. Còn H4 sau khi trốn tại rẫy cao su, đến chiều tối ngày hôm sau H4 gọi xe taxi về nhà H14 ở một ngày, sau đó bỏ trốn.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 84, ngày 18/7/2016 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Kon Tum, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định của anh Nguyễn Văn S1 là: 05%.

Vụ thứ ba:

Khoảng tháng 3/2016, do không có tiền tiêu xài nên Trần Trung H4 nảy sinh ý định đe dọa các chủ bãi, khai thác cát trên địa bàn thành phố K hàng tháng phải đưa tiền “bảo kê” cho H4 nếu không sẽ gây khó khăn cho việc khai thác cát và đe dọa tính mạng của các chủ bãi cát. Sau đó, H4 đến nhà Đinh Khắc Tr5 rủ Tr5 cùng tham gia, Tr5 đồng ý; H4 tiếp tục điện thoại cho Nguyễn Phương Tr2 nói Tr2 chở Nguyễn Văn H1 đến nhà của Tr5 để gặp, Khi Tr2 và H1 đến gặp H4, H4 rủ cả bọn đi lấy tiền bảo kê bãi cát để chia nhau tiêu xài, tất cả đều đồng ý. Sau đó, Tr5

điều khiển xe mô tô chở H4; Tr2 điều khiển xe mô tô chở H1 đi đến bãi cát của ông Nguyễn Đức D3 (là chủ bãi cát thuộc thôn KS, phường TC, thành phố K). Đến nơi, H4 và H1 vào gặp ông D3 đe dọa và yêu cầu ngày 10 hàng tháng phải đưa cho H4 và đồng bọn số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), nếu không đưa tiền, H4 không cho làm, nếu cố tình làm thì sẽ xử, vừa nói H4 vừa kéo áo lên cho ông D3 biết H4 có súng K59 đang giấu trong người. Thấy H4 có súng nên ông D3 đồng ý đưa cho H4 và đồng bọn hàng tháng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2016, H4 và đồng bọn đã lấy của ông D3 02 lần với số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) chia nhau tiêu xài.

Vụ thứ tư:

Cũng với thủ đoạn như trên, sau khi đe dọa lấy được tiền bãi cát của ông D3, trong ngày hôm đó cả bọn tiếp tục đi đến bãi cát của ông Trịnh Văn B (thuộc khu vực thôn TT, xã VQ, thành phố K). Đến nơi, không gặp ông B nên H4 xin số điện thoại và gọi điện thoại cho ông B tự giới thiệu tên là “Giống” là người bảo kê làm cát, nếu muốn làm thì hàng tháng phải đưa cho H4 và đồng bọn số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nếu không đưa tiền thì không cho làm, có việc gì thì đừng trách. Nghe vậy, ông B sợ nên trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2016, ông B đã đưa cho H4 và đồng bọn tổng cộng 05 lần với tổng số tiền là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Vụ thứ năm:

Khoảng tháng 10/2016 (không nhớ ngày), H4 biết ông Phan Huy T9 đang thu mua gỗ tại địa bàn xã ĐC, thành phố K nên nảy sinh ý định đe dọa ông T9 để lấy tiền. Đến khoảng 23 giờ đêm, H4 gọi điện thoại cho ông T9, tự xưng tên là “Giống” là đối tượng đang bị truy nã nếu ông T9 muốn làm gỗ thì phải làm luật, hàng tháng phải đưa cho H4 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) nếu không sẽ không cho làm, cố tình làm thì H4 sẽ xử lý. Ông T9 nghe vậy rất sợ nên đồng ý đưa tiền cho H4. Khoảng 03 ngày sau khi gọi điện thoại cho ông T9, H4 gọi điện thoại cho Huỳnh Tuấn Đ1 nói cho Đ1 biết sự việc và rủ Đ1 cùng tham gia. Tổng cộng H4 và Đ1 đe dọa và đến gặp ông T9 07 lần, nhận của ông T9 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng). Lần cuối cùng khi đang nhận 5.000.000đ (năm triệu đồng) thì bị Công an thành phố K phát hiện bắt giữ. Toàn bộ số tiền này, Đ1 cất giữ tiêu xài hết, chưa đưa lại cho H4.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 45/2017/HS-ST ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:**

Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Phương Tr2 phạm các tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và “*Không tố giác tội phạm*”.

Bị cáo Huỳnh Tuấn Đ1 phạm các tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và “*Che giấu tội phạm*”.

Bị cáo Nguyễn Văn N2 phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Văn Hoài T1, Bùi Thế H1, Trần Quốc H, Lê Trung T2, Nguyễn Công T, Nguyễn Thị Khánh L2, Phạm Quốc Đ, Nguyễn Hải B, Nguyễn Quốc C phạm tội “*Che giấu tội phạm*”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phương Tr2 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 314; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phương Tr2 12 (Mười hai) tháng tù về tội “*Không tố giác tội phạm*”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự:

Tổng hợp mức hình phạt chung đối với 02 tội danh trên của bị cáo Nguyễn Phương Tr2 là: 54 (Năm mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (09/12/2016).

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Tuấn Đ1 05 (Năm) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Tuấn Đ1 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “*Che giấu tội phạm*”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự:

Tổng hợp mức hình phạt chung đối với 02 tội danh trên của bị cáo Huỳnh Tuấn Đ1 là: 06 năm 3 tháng (Sáu năm ba tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (29/11/2016).

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18; Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017.

Khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N2 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (19/12/2016).

- Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Trung T2 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Che giấu tội phạm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (04/02/2017).

- Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công T 18 (Mười tám) tháng tù về tội “*Che giấu tội phạm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (13/01/2017).

- Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017.

Khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thế H1 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “*Che giấu tội phạm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (21/12/2016).

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn Hoài T1 18 (Mười tám) tháng tù về tội “*Che giấu tội phạm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (9/12/2016).

- Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hải B 09 (Chín) tháng tù về tội “*Che giấu tội phạm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 tháng 12 ngày (Mười hai tháng mười hai ngày) tù về tội “*Che giấu tội phạm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (9/12/2016). (Thời hạn tù bằng thời gian bị tạm giam).

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc H 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “*Che giấu tội phạm*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (9/12/2016).

- Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Khánh L2 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Che giấu tội phạm*”. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Khánh L2 cho Ủy ban nhân dân phường TC, thành phố K, tỉnh Kon Tum giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Quốc Đ 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Che giấu tội phạm*”. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Quốc Đ cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc C 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Che giấu tội phạm*”. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/12/2017, các bị cáo Nguyễn Phương Tr2, Nguyễn Hải B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo B còn xin được hưởng án treo.

Ngày 03/01/2018, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh KonTum có kháng nghị phúc thẩm số 01/KN-PT yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Văn Hoài T1, Trần Quốc H, Lê Trung T2, Bùi Thế H1, Nguyễn Công T, Huỳnh Tuấn Đ1, Nguyễn Văn N2 và sửa bản án sơ thẩm không cho các bị cáo Nguyễn Thị Khánh L2, Phạm Quốc Đ, Nguyễn Quốc C được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Phương Tr2, Nguyễn Hải B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo B còn xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút một phần kháng nghị phúc thẩm số 01/KN-PT ngày 03/01/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KonTum đối với các bị cáo Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị Khánh L2, Phạm Quốc Đ, Nguyễn Quốc C và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hải B, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phương Tr2 giảm hình phạt cho bị cáo Tình, chấp nhận phần kháng nghị phúc thẩm còn lại của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KonTum xử tăng hình phạt tù đối với các bị cáo: Nguyễn Văn T, Trịnh Văn Hoài T1, Trần Quốc H, Lê Trung T2, Bùi Thế H, Nguyễn Công T, Huỳnh Tuấn Đ1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút phần kháng nghị phúc thẩm số 01/KN-PT ngày 03/01/2018 của Viện

trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh KonTum đối với các bị cáo Nguyễn Văn N2, Phạm Quốc Đ, Nguyễn Quốc C, Nguyễn Thị Khánh L2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm, phần tội danh và hình phạt của các bị cáo N2, Đ, C, L2 của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Văn Hoài T1, Huỳnh Tuấn Đ1, Nguyễn Công T, Trần Quốc H, Lê Trung T2, Bùi Thế H1, Nguyễn Phương Tr2, Nguyễn Hải B khai nhận tội, đối chiếu thấy phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trần Trung H4 là đối tượng nguy hiểm thực hiện nhiều tội phạm, đã bị Tòa án nhân dân các cấp xét xử về nhiều tội danh khác nhau. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, Trần Trung H4 tiếp tục thực hiện nhiều hành vi phạm tội, bỏ trốn bị truy nã. Quá trình phạm tội của Trần Trung H4 có một số bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm, một số bị cáo giúp đỡ H4 trốn tránh sự truy nã của cơ quan điều tra. Hành vi cụ thể của các bị cáo thể hiện như sau:

- Đối với Nguyễn Phương Tr2: Khi được H4 rủ đến nhà ông Nguyễn Văn S2 và bà Nguyễn Thị Th9 để đòi nợ Tr2 đồng ý và dùng xe chở H4 đi nhưng chưa đòi được; H4 bảo Tr2 đến nhà bà Th9 chở anh Nguyễn Văn S1 (con bà Th9) đến gặp H4 thì Tr2 thực hiện. Tr2 đến nhà Nguyễn Thị Khánh L2 lấy cơm đem về theo yêu cầu của H4 thì Tr2 nhìn thấy H4 bắt giữ còng tay chân anh S1. H4 cũng nói cho Tr2 biết là bắt giữ anh S1 trong nhà mục đích ép gia đình anh S1 trả nợ. Khi Tr2 đến chở đồ cho H4 đi trốn thì Tr2 được Nguyễn Nhật Tr4 kể chuyện H4 ép anh S1 chặt tay và đưa ngón tay bị chặt cho Tr2 xem. Tr2 còn tham gia cùng H4 cưỡng đoạt tài sản của ông Nguyễn Đức D3 20.000.000 đồng, của ông Nguyễn Văn B 75.000.000 đồng.

- Đối với Huỳnh Tuấn Đ1: Tham gia cùng với H4 cưỡng đoạt tài sản của ông Phan Huy T9 66.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này Đ1 đang giữ tiêu xài chưa đưa cho H4. Đ1 biết rõ H4 bị truy nã nhưng vẫn mượn nhà Phạm Văn C để H4 lẩn trốn.

- Đối với Nguyễn Văn T: Sau khi bị công an bao vây ngày 30/11/2016, H4 chạy thoát. T đi xe mô tô của mình đưa cho Nguyễn Ngọc H5 (bỏ trốn) để sử dụng chở H4 đi Gia Lai. Trong thời gian ở Gia Lai H4 điện thoại dặn T có thông tin gì ở KonTum thì báo cho H4 biết, T đồng ý. Tối ngày 02/12/2016, T sử dụng xe mô tô chở H4 từ tỉnh Gia Lai về lại KonTum. T còn cho H4 mượn điện thoại để gọi cho T1, nhờ T1 tìm chỗ ngủ và đi lấy 5.000.000 đồng của một đối tượng (không rõ lai lịch, địa chỉ) để đưa cho H4.

- Đối với Trịnh Văn Hoài T1: H4 gọi cho T1 nhờ tìm chỗ ngủ, T1 đưa điện thoại cho Huỳnh Tấn C nói chuyện, C đồng ý cho H4 ngủ nhờ tại nhà mình. Trong thời gian ở nhà C, T1 đi mua cơm, card điện thoại cho H4, nhận tiền từ Phạm Quốc

Đ đưa cho H4. T1 còn gọi cho Nguyễn Bá V1 đến chở H4 tiếp tục trốn tránh.

- Đối với Trần Quốc H: Nguyễn Hoàng H6 nói H gặp H4 là H đồng ý. Khi gặp, H4 hỏi H có chỗ ngủ không, H trả lời có, H dẫn H4 đến chòi cao su của mình, cùng H4 đi mua đồ ăn, bánh và nước cho mọi người cùng ăn uống. H còn chở H4 đến nhà Bùi Văn H7 (bạn H) đề nghị H7 cho H4 ngủ nhờ.

- Đối với Lê Trung T2: Khi H4 đến nhà T2 xin ngủ nhờ, T2 đưa quần áo cho H4 mặc, sử dụng xe mô tô chở H4 đi vào lô cao su ĐC, sau đó chở H4 đi đến lô cao su xã ĐL, huyện Đ rồi mua thức ăn, nước uống cho H4 và đi lấy số tiền 6.000.000 đồng của đối tượng tên N2 đưa cho H4.

- Đối với Bùi Thế H1: Cho H4 ngủ lại nhà mình, ở cùng với H4 trong ô mía cạnh sông ĐăkBlá, H1 đến nhà bà H9 lấy đồ dùng cá nhân do L2 mua để đưa cho H4.

- Đối với Nguyễn Công T: Được H4 điện thoại T đi lấy tiền của bà N4 đem đưa cho Đ để Đ đưa cho H4. T còn dùng xe ô tô của gia đình chở H4 đi trốn tại Gia Lai.

- Đối với Nguyễn Hải B: Khi được H4 điện thoại, B đồng ý và nhận từ Nguyễn Tấn D2 4.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền B mua giúp hung 700.000đ card điện thoại rồi chuyển cho H4.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh KonTum xét xử về các tội sau: Nguyễn Phương Tr2 về 2 tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Không tố giác tội phạm” theo điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự; Huỳnh Tuấn Đ1 về 2 tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Che giấu tội phạm” theo điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 Điều 313 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Lê Trung T2, Nguyễn Công T, Bùi Thế H1, Trịnh Văn Hoài T1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hải B, Trần Quốc H về tội “Che giấu tội phạm” theo khoản 1 Điều 313 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Phương Tr2 và Nguyễn Hải B thì thấy: Hành vi nêu trên của các bị cáo Tr2 và B là rất nguy hiểm. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nghiêm trọng của vụ án, mức độ phạm tội, nhân thân của các bị cáo, đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ xử phạt Nguyễn Phương Tr2 42 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” 12 tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”. Tổng hợp hình phạt của 2 tội là 54 tháng tù; Xử phạt Nguyễn Hải B 09 tháng tù về tội “Che giấu tội phạm” là tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Phương Tr2, Nguyễn Hải B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KonTum thì

thấy: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Văn Hoài T1, Nguyễn Công T, Trần Quốc H, Lê Trung T2, Bùi Thế H1, Huỳnh Tuấn Đ1 biết rõ Trần Trung H4 có rất nhiều tiền án, đã bị truy nã về nhiều tội và vào tối ngày 30/11/2016 H4 đã dùng súng bắn Công an, nhưng các bị cáo rất tích cực giúp đỡ cho H4 trốn tránh sự truy bắt của cơ quan chức năng, gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, quen biết với H4, H4 nói gì các bị cáo đều tích cực giúp đỡ H4 trong quá trình lẩn trốn. Thế nhưng, bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “Che giấu tội phạm” với mức án cao nhất là 24 tháng tù, mức thấp nhất 12 tháng 12 ngày tù là chưa đánh giá đúng tính chất nghiêm trọng của vụ án, mức độ phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, mức hình phạt còn quá nhẹ. Trong đó các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Văn Hoài T1, Lê Trung T2, Nguyễn Công T tham gia tích cực hơn nên mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo Huỳnh Tuấn Đ1, Trần Quốc H, Bùi Thế H1.

Do đó, Hội đồng xét xử Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị còn lại của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KonTum xử tăng hình phạt về tội “Che giấu tội phạm” đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Văn Hoài T1, Nguyễn Công T, Huỳnh Tuấn Đ1, Trần Quốc H, Lê Trung T2, Bùi Thế H1;

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Phương Tr2, Nguyễn Hải B Phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 342; điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm a, d khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Văn N2, Nguyễn Quốc C, Phạm Quốc Đ, Nguyễn Thị Khánh L2, phần tội danh và hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn N2, Nguyễn Quốc C, Phạm Quốc Đ, Nguyễn Thị Khánh L2 của bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh KonTum có hiệu lực pháp luật.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Phương Tr2, Nguyễn Hải B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận phần kháng nghị phúc thẩm còn lại số 01/KN-PT ngày 03/01/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KonTum và sửa bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ Luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Phương Tr2 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 314; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Phương Tr2 12 (mười hai) tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự:

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo Nguyễn Phương Tr2 phải chấp hành là: 54 (năm mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2016.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Huỳnh Tuấn Đ1 05 (năm) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Huỳnh Tuấn Đ1 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Che dấu tội phạm”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo Huỳnh Tuấn Đ1 phải chấp hành là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2016.

- Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Lê Trung T2 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Che giấu tội phạm”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 313, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Công T 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Che giấu tội phạm”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bùi Thế H1 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Che giấu tội phạm”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2016.

Xử phạt: Trịnh Văn Hoài T1 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Che giấu tội phạm”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2016.

- Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Hải B 09 (chín) tháng tù về tội “Che giấu tội phạm” thời

hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Che giấu tội phạm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 09/12/2016 đến ngày 21/12/2017.

Xử phạt: Trần Quốc H 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Che giấu tội phạm”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2016.

2. Về án phí: Nguyễn Phương Tr2, Nguyễn Hải B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự Phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trần Trung H4, Nguyễn Bá V1, Huỳnh Tấn C, Nguyễn Hoàng H6, Nguyễn Tấn D2, Đinh Khắc Tr5, phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tỉnh KonTum;
- Công an tỉnh KonTum;
- Sở Tư pháp tỉnh KonTum;
- Cục THADS tỉnh KonTum;
- Trại tạm giam Công an tỉnh KonTum tổng đạt cho bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm